

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 9 - 2022

V/v: *không công nhận là vợ chồng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê D1 Tấn.

2. Bà Lý Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Tổ Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh – kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022, về việc *không công nhận là vợ chồng*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 09/8/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST – HNGĐ ngày 24/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn M Ng, xã Đ1 B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Trần Đ D1, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn Th1 Đ2, xã Th Th2, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt chị D, anh D1. Chị D vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2022, bản tự khai ngày 02/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Đ D1 tìm hiểu nhau và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương vào tháng 12/1996, nhưng chị và anh D1 không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống với nhau chị và anh D1 không hạnh phúc, chỉ được 03 tháng thì ly thân nhau mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Cuộc sống của chị và anh D1 chỉ trên danh nghĩa. Nay chị D xác định không còn tình cảm với anh D1

và để đảm bảo thủ tục pháp lý cho cả hai bên, chị D đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh D1 là vợ chồng.

Về con chung: Chị D khai chị và anh D1 không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/6/2022 anh Trần Đ D1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị D xây dựng gia đình với nhau từ tháng 12/1996 trên cơ sở tự nguyện, lễ cưới được hai bên gia đình tổ chức theo phong tục tập quán địa phương nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị D không có hạnh phúc, luôn xảy ra bất đồng cãi vã, do hai bên tính tình không hợp nên anh và chị D chỉ ở với nhau được 3 tháng rồi sống ly thân, chị D về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 1997 cho đến nay, mỗi người sống một nơi không ai quan tâm đến ai. Cuộc sống hôn nhân của anh và chị D chỉ trên danh nghĩa, nay chị D làm đơn khởi kiện không công nhận vợ chồng, anh D1 cũng đồng ý và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị D.

Về con chung: Anh D1 trình bày anh và chị D không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Anh D1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa vắng mặt chị D, anh D1. Chị D đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn xin xét xử vắng mặt chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh D1 là vợ chồng. Về con chung chị và anh D1 không có con chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa xét xử, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa không có yêu cầu hoặc kiến nghị gì cần khắc phục vi phạm về tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 14, Khoản 2, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị D và anh Trần Đ D1.

2. Về án phí: Chị D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa chị và anh Trần Đ D1, anh D1 có hộ khẩu và nơi cư trú tại Thôn Thành Đông, xã Th Th2, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, nên căn cứ vào điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Nguyễn Thị D đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, chị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Trần Đ D1 đã được thông báo và triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D, anh D1.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và Anh Trần Đ D1 chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 12/1996 có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Ngày 22/6/2022 Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã tiến hành xác minh tại UBND xã Th Th2, UBND xã hay xác nhận chị Nguyễn Thị D và anh Trần Đ D1 không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Th Th2. Tại Công văn trả lời ngày 02/6/2022 UBND xã Đ1 B nơi chị Nguyễn Thị D cư trú cũng trả lời sau khi kiểm tra hồ sơ và sổ đăng ký kết hôn hiện đang lưu giữ tại UBND xã Đ1 B từ năm 1992 đến nay không có hồ sơ tên bà Nguyễn Thị D và ông Trần Đ D1. Theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì giữa chị D, anh D1 sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn thì không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình giải quyết vụ án và trong đơn xin xét xử vắng mặt chị D có đơn đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng giữa chị và anh D1, cần áp dụng các quy định Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Nguyễn Thị D và Anh Trần Đ D1.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và Anh Trần Đ D1 đều thừa nhận anh chị không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản: Chị D, anh D1 đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 2 điều 227; điều 228, điều 271; điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Nguyễn Thị D và Anh Trần Đ D1.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu tiền án phí sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0005922 ngày 02/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa (Chị D đã nộp đủ án phí).

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị D, anh D1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đạt